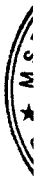


**TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM  
CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 44



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty mẹ trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Văn Thịnh	Ủy viên
Ông Trần Văn Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Kiên	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Vương Thái Dũng	Ủy viên
Ông Đinh Thái Hương	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Văn Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Thái Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đàm Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2012)
Ông Phạm Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2012)
Ông Trần Ngọc Năm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2012)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

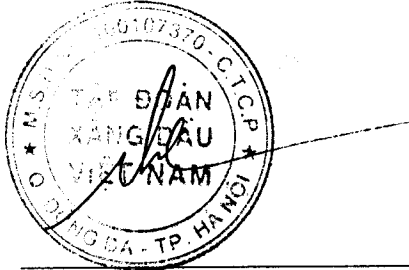
Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo Công văn chấp thuận số 956/BTC-CĐKT ngày 18 tháng 01 năm 2007 và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty mẹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Trần Văn Thịnh**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2013*

Số: 004 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:**  
**Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2013, từ trang 06 đến trang 44. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Ngoại trừ các vấn đề dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Hạn chế phạm vi kiểm toán**

- Như trình bày tại Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 12 năm 2011, Công ty mẹ đã ghi giảm khoản mục chênh lệch đánh giá lại tài sản (nhận bàn giao từ Văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam) do định giá doanh nghiệp (tại ngày 01 tháng 01 năm 2010) cho mục đích cổ phần hóa đã được Bộ Công thương phê duyệt và ghi tăng khoản mục vốn đầu tư của chủ sở hữu với số tiền là 4.365.485.809.913 VND. Khoản mục chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 (nhận bàn giao từ Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam) với số tiền là âm (-) 896.534.817.565 VND đang được phản ánh trên khoản mục Chênh lệch đánh giá lại tài sản để chờ quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, sự ghi nhận này có sự khác biệt theo quy định tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ. Theo Thông tư số 202/2011/TT-BTC thì các khoản chênh lệch đề cập ở trên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tập đoàn Xăng dầu đã có Công văn số 1947/PLX-HĐQT ngày 20 tháng 12 năm 2011 gửi Bộ Tài chính, Bộ Công thương và Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc xác định lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Bên cạnh đó, liên quan đến vấn đề đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 11 năm 2011, Bộ Công thương đã gửi Công văn số 10579/BTC-TC ngày 02 tháng 11 năm 2012 đến Bộ tài chính đề xuất thực hiện đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn và ghi nhận trên chi tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản thuộc phần Vốn chủ sở hữu chờ quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Hạn chế phạm vi kiểm toán (Tiếp theo)

Ngày 18 tháng 01 năm 2013, Bộ Tài chính đã có Công văn số 1009/BTC-TCĐN trả lời công văn nêu trên của Bộ Công thương; theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Công thương không thực hiện đánh giá lại đối với các khoản đầu tư này để đảm bảo số vốn Nhà nước như đã công bố. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan đến việc đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Bên cạnh đó, các số liệu liên quan đến việc đánh giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn đã được phản ánh trên các khoản mục vốn đầu tư của chủ sở hữu và chênh lệch đánh giá lại tài sản có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam chưa được quyết toán cổ phần hóa tại ngày 30 tháng 11 năm 2011.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2011, Công ty mẹ thực hiện xác định lại các khoản đầu tư tại thời điểm bàn giao sang Công ty cổ phần, theo đó giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam, Ngân hàng TMCP Xăng dầu và một số Công ty con chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá trị phần vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp khác theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2011. Trong năm 2012, khi nhận cổ tức liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn này từ thời điểm 30 tháng 11 năm 2011 trở về trước, Công ty mẹ ghi nhận cổ tức trên chỉ tiêu “Doanh thu hoạt động tài chính” với số tiền 384.785.628.859 VND. Hiện tại, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể cho trường hợp nêu trên trong quá trình lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp cổ phần hóa.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo Công văn chấp thuận số 956/BTC-CKKT ngày 18 tháng 01 năm 2007 và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

*Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:*

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty mẹ chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa và xác định phần vốn nhà nước tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chưa có biên bản quyết toán để xác định phần vốn Nhà nước và số lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 11 năm 2011 đang hạch toán trên tài khoản phải thu khác tại ngày phát hành báo cáo tài chính này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, giá trị phần vốn Nhà nước tại ngày 01 tháng 01 năm 2010 của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam cho mục đích cổ phần hóa được phê duyệt tại Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ là 10.164.018.676.419 VND. Giá trị phần vốn Nhà nước nêu trên bao gồm một số lô đất chuyển đổi từ hình thức đất nhận chuyển nhượng hợp pháp hoặc nhận giao đất có thu tiền sử dụng đất theo phương án cổ phần hóa sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, một số lô đất đã được điều chỉnh giảm giá trị quyền sử dụng đất cũng như một số lô đất nhận giao đất, Nhà nước chưa thu tiền sử dụng đất nhưng khi xác định giá trị doanh nghiệp chuyển sang hình thức nhận giao đất có thu tiền sử dụng đất. Các lô đất nêu trên khi quyết toán cổ phần hóa có thể được ghi nhận là một khoản phải trả ngân sách Nhà nước và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đang kiến nghị trong hồ sơ quyết toán cổ phần hóa để điều chỉnh với số tiền là 352.856.429.568 VND. Tuy nhiên quyết định cuối cùng sẽ phụ thuộc vào quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 7, số lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Công ty mẹ là 2.687.839.289.340 VND và một số chênh lệch với tổng số tiền là 57.219.558.308 VND so với giá trị vốn nhà nước tại ngày 01 tháng 01 năm 2010 của Tổng Công ty đã được Bộ Công thương phê duyệt cho mục đích cổ phần hóa đang được theo dõi trên khoản mục Phải thu về cổ phần hóa để quyết toán với cơ quan Nhà nước. Các giá trị này có thể thay đổi trong quá trình quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	
			31/12/2012	(Số trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>27.105.787.160.459</b>	<b>31.659.657.264.403</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.474.407.397.199</b>	<b>6.404.970.705.081</b>
1. Tiền	111		1.838.468.501.222	1.839.528.825.737
2. Các khoản tương đương tiền	112		635.938.895.977	4.565.441.879.344
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.612.057.723.733</b>	<b>10.359.550.677.045</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.865.658.209.115	1.625.772.253.314
2. Trả trước cho người bán	132		34.609.107.253	35.279.239.482
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	4.865.042.549.555	3.299.727.857.390
4. Các khoản phải thu khác	135	7	2.846.747.857.810	5.398.771.326.859
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>13.597.937.648.922</b>	<b>13.353.801.464.471</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.597.937.648.922	13.353.801.464.471
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.421.384.390.605</b>	<b>1.541.334.417.806</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	38.585.108.540	95.039.541.734
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.310.183.010.407	1.408.112.835.105
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	19	69.407.213.269	34.441.756.209
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.209.058.389	3.740.284.758
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>10.109.288.722.476</b>	<b>9.105.062.595.687</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>172.648.933.864</b>	<b>293.502.463.872</b>
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213	10	172.648.933.864	292.502.463.872
2. Phải thu dài hạn khác	218		-	1.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.013.890.809.667</b>	<b>1.055.236.340.075</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	712.183.335.467	781.002.875.210
- Nguyên giá	222		980.910.457.624	968.897.172.972
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(268.727.122.157)	(187.894.297.762)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	212.925.606.040	220.577.508.955
- Nguyên giá	228		266.707.955.921	262.394.092.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.782.349.881)	(41.816.583.966)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		88.781.868.160	53.655.955.910
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.434.822.673.668</b>	<b>7.208.182.318.930</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	7.665.131.328.852	6.749.809.963.657
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	1.649.116.082.897	1.393.116.082.897
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	606.901.179.490	573.460.486.720
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(1.486.325.917.571)	(1.508.204.214.344)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>487.926.305.277</b>	<b>548.141.472.810</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	487.926.305.277	548.141.472.810
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>37.215.075.882.935</b>	<b>40.764.719.860.090</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
				(Số trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>27.047.837.972.467</b>	<b>30.915.267.360.884</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>26.040.941.010.266</b>	<b>29.325.283.628.066</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	16.331.425.043.635	14.452.462.452.802
2. Phải trả người bán	312		9.341.182.281.523	13.600.282.114.835
3. Người mua trả tiền trước	313		41.759.615	41.759.615
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	231.447.936.709	951.150.220.345
5. Phải trả người lao động	315		13.528.183.371	32.317.524.470
6. Chi phí phải trả	316		37.525.170.272	75.569.983.460
7. Phải trả nội bộ	317	20	29.671.120.566	148.069.766.820
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	55.019.774.036	65.613.418.440
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.099.740.539	(223.612.721)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.006.896.962.201</b>	<b>1.589.983.732.818</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	22	7.910.232.454	7.910.232.454
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	482.690.611.567	807.173.187.094
3. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340	24	516.296.118.180	774.900.313.270
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>10.167.237.910.468</b>	<b>9.849.452.499.206</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>10.167.237.910.468</b>	<b>9.849.452.499.206</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.700.000.000.000	10.700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		11.932.898.591	11.932.898.591
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		(896.534.817.565)	(896.534.817.565)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(38.043.545.101)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		(244.570.817)	(244.570.817)
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	700.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		352.084.400.259	71.642.534.098
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>37.215.075.882.935</b>	<b>40.764.719.860.090</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (*)	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	9.617.333	10.514.415

(\*) Hàng hóa nhận giữ hộ liên quan đến xăng dầu dự trữ quốc gia được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán trên báo cáo tài chính của các Công ty xăng dầu thành viên.



Trần Văn Thịnh  
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mên  
 Trưởng phòng Kế toán

Hoàng Chi Mai  
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2013

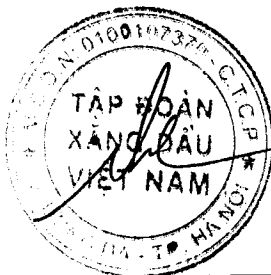
Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


**MÃ SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		Năm 2012	
			Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011 (Số trình bày lại)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		160.265.804.062.545	14.365.621.618.723
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	26	160.265.804.062.545	14.365.621.618.723
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	159.096.809.109.725	13.997.115.388.498
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		1.168.994.952.820	368.506.230.225
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.495.220.941.973	66.591.462.833
6. Chi phí tài chính	22	30	918.140.764.234	204.332.445.088
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		653.645.800.342	71.028.272.903
7. Chi phí bán hàng	24	31	1.527.228.367.553	143.125.198.094
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-24}	30		218.846.763.006	87.640.049.876
9. Thu nhập khác	31		56.308.881.131	4.255.448.244
10. Chi phí khác	32		11.387.346.478	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	44.921.534.653	4.255.448.244
12. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		263.768.297.659	91.895.498.120
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	(20.252.964.022)	20.252.964.022
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		284.021.261.681	71.642.534.098



**Trần Văn Thịnh**  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2013

  
**Nguyễn Thị Mên**  
 Trưởng phòng Kế toán

  
**Hoàng Chi Mai**  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011 (Số trình bày lại)	
		Năm 2012	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	263.768.297.659	91.895.498.120
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	93.064.004.076	7.754.390.959
- Các khoản dự phòng và quỹ bình ổn giá xăng dầu	03	(280.482.491.863)	20.258.373.719
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3.743.372.052	949.642.857
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(939.039.101.789)	(47.292.706.402)
- Chi phí lãi vay	06	653.645.800.342	71.028.272.903
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(205.300.119.523)	144.593.472.156
- Thay đổi các khoản phải thu	09	846.065.784.920	(426.693.853.361)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(244.136.184.451)	1.772.125.578.468
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(5.934.374.275.304)	(231.608.573.732)
- Thay đổi các khoản chi phí trả trước	12	130.465.344.757	5.861.506.818
- Tiền lãi vay đã trả	13	(664.890.944.499)	(71.028.272.903)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.420.456.405)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.091.590.850.505)</b>	<b>1.193.249.857.446</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(51.429.866.302)	(308.449.273)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(173.531.729.573)	(4.925.546.523)
3. Tiền thu hồi cho vay từ các đơn vị khác	24	140.091.036.803	18.872.481.944
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(245.820.550.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.484.925.656
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	856.277.039.138	32.137.461.687
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>525.585.930.066</b>	<b>51.260.873.491</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	65.980.409.094.012	10.195.959.669.114
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(64.344.535.898.269)	(9.579.979.706.827)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.635.873.195.743</b>	<b>615.979.962.287</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(3.930.131.724.696)</b>	<b>1.860.490.693.224</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	6.404.970.705.081	4.544.480.011.857
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(431.583.186)	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.474.407.397.199</b>	<b>6.404.970.705.081</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm không bao gồm 825.600.000.000 VND, là số tiền góp vốn thông qua bù trừ công nợ với các công ty xăng dầu thành viên. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm không bao gồm 97.987.200.000 VND, là số tiền góp vốn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex thông qua bù trừ khoản phải thu cổ tức từ Ngân hàng này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Năm 2012, Công ty mẹ thực hiện gửi ngân hàng với thời hạn nhỏ hơn 3 tháng số tiền 104.616.402.626.064 VND, đã thu hồi 108.545.905.609.431 VND. Các chỉ tiêu này được phản ánh trên khoản mục Các khoản tương đương tiền trên báo cáo tài chính, do đó chỉ tiêu tiền chi cho các đơn vị khác vay và tiền thu hồi cho vay trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không bao gồm số tiền nêu trên.



Trần Văn Thịnh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Mên  
Trưởng phòng Kế toán

Hoàng Chi Mai  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn”), trước đây là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, được Thủ tướng Chính phủ thành lập theo Quyết định số 224/TTg ngày 14 tháng 4 năm 1995. Tập đoàn được Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng đặc biệt tại Quyết định số 186/TTg ngày 28 tháng 3 năm 1996 nhằm tăng cường tích tụ, tập trung, chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao, nâng cao khả năng và hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên và toàn Tập đoàn đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế.

Theo Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0100107370 ngày 01 tháng 12 năm 2011, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 và trở thành Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam theo các quy định của pháp luật. Cơ cấu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam gồm có Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty thành viên.

Trụ sở chính: Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành xăng dầu; xây dựng các chiến lược, kế hoạch phát triển ngành xăng dầu cho toàn Tập đoàn; quản lý phân vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 239 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 241 người).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam - nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo Công văn chấp thuận số 956/BTC-CĐKT ngày 18 tháng 01 năm 2007 và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty mẹ chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc xác định phân vốn Nhà nước tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chưa có biên bản xác định phân vốn Nhà nước tại ngày này.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

00  
CÔ  
HỊ  
ĐE  
TẾ  
/D

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty mẹ áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty mẹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam - nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo Công văn chấp thuận số 956/BTC-CĐKT ngày 18 tháng 01 năm 2007 và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty mẹ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty mẹ được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty mẹ được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo Quyết định số 505/XD-QĐ-TGD ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về “Cơ chế kinh doanh xăng dầu, áp dụng từ ngày 01 tháng 11 năm 2012”, toàn bộ hàng tồn kho là xăng dầu tồn tại các Công ty Xăng dầu thành viên đều thuộc sở hữu của Công ty mẹ.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Quyết định số 491/PLX-QĐ-HDQT ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về việc “Ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định áp dụng đối với các công ty thành viên” và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Năm 2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 35
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	8 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 6
Tài sản cố định khác	10

0-  
TY  
-UU  
TE  
AN  
P.1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình gồm: quyền sử dụng đất; phần mềm máy tính và bản quyền phần mềm SAP (hệ thống ERP); và tài sản cố định vô hình khác.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh để có được quyền sử dụng đất bao gồm cả chi phí đền bù giải phóng, san lấp mặt bằng. Quyền sử dụng đất có thời hạn sẽ được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và bản quyền phần mềm SAP là toàn bộ chi phí mà Công ty mẹ đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm và bản quyền vào sử dụng. Các phần mềm máy tính và bản quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí thuê các nhà thầu xây dựng, lắp đặt và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát của Công ty mẹ đối với công ty con được xác định khi Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

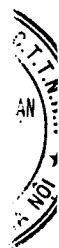
Công ty mẹ phản ánh vào khoản mục đầu tư vào công ty con đối với các khoản đầu tư vào các công ty mà Công ty mẹ góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối Công ty mẹ của đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc phản ánh giá trị các khoản đầu tư này như trên là phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

Công ty mẹ đã đánh giá ảnh hưởng của các quy định về hoạt động đầu tư góp vốn vào lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm tại Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về việc “Quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác” đến các khoản đầu tư của Công ty mẹ. Đối với khoản đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex, Công ty mẹ đã có kế hoạch thoái vốn và sẽ giảm tỷ lệ sở hữu vốn xuống mức quy định của Nhà nước vào năm 2015.

Công ty mẹ nhận bàn giao các khoản đầu tư vào công ty con từ Văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam tại ngày 30 tháng 11 năm 2011. Các khoản đầu tư này được đánh giá lại tại ngày 30 tháng 11 năm 2011, các khoản đánh giá tăng được ghi tăng trực tiếp các khoản đầu tư, các khoản đánh giá giảm được ghi vào khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tương ứng với chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản. Giá trị các khoản đầu tư này và các khoản dự phòng tương ứng có thể thay đổi trong quá trình quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Công ty mẹ nhận bàn giao các khoản đầu tư vào công ty liên kết từ Văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam tại ngày 30 tháng 11 năm 2011. Các khoản đầu tư này được đánh giá lại tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 và ghi nhận tương ứng với chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản. Giá trị các khoản đầu tư này có thể thay đổi trong quá trình quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư dài hạn mà không đủ điều kiện là khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào công ty con.

Công ty mẹ nhận bàn giao các khoản đầu tư dài hạn khác từ Văn phòng Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam tại ngày 30 tháng 11 năm 2011. Các khoản đầu tư này được đánh giá lại tại ngày 30 tháng 11 năm 2011, các khoản đánh giá tăng được ghi tăng trực tiếp các khoản đầu tư, các khoản đánh giá giảm được ghi vào khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tương ứng với chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản. Giá trị các khoản đầu tư này và các khoản dự phòng tương ứng có thể thay đổi trong quá trình quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Bao gồm:

- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm nhận bàn giao sang Công ty cổ phần (ngày 30 tháng 11 năm 2011). Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn nhận bàn giao bao gồm hai phần. Một phần là các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn phát sinh khi đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 (là giá trị đã được Bộ Công thương phê duyệt). Phần khác là các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được đánh giá lại tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 theo quy định tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ. Công ty mẹ chưa có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn nhận bàn giao tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 do đang chờ quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Khoản trả trước dài hạn thể hiện lợi thế kinh doanh của Văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu và 42 công ty xăng dầu thành viên được xác định trong quá trình định giá doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Công ty mẹ thực hiện phân bổ lợi thế thương mại vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty mẹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty mẹ sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá bán các mặt hàng xăng dầu của Công ty mẹ cho các Công ty Xăng dầu thành viên là giá bán nội bộ do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam quy định cho từng kỳ hoạt động dựa trên sự biến động của giá xăng, dầu nhập khẩu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận các khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Theo Công văn số 1916/BTC-CĐKT ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Bộ Tài chính, Công ty mẹ được phép sử dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để ghi nhận, hạch toán theo dõi hàng ngày với các nghiệp vụ kinh tế có gốc ngoại tệ.

Trong năm, Công ty mẹ đã áp dụng Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ngoại trừ việc cho phép Công ty mẹ được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201.

Nếu Công ty mẹ áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ giảm 108.477.730.854 VND và lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng 108.477.730.854 VND, số dư nợ khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ giảm 38.043.545.101 VND và số dư khoản mục chi phí trả



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ (Tiếp theo)**

trước ngắn hạn giảm 70.434.185.753 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty mẹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty mẹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

00112  
CÔNG  
H NHIỆM  
E LOI  
T I  
DA -

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Quỹ bình ổn giá xăng dầu**

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư số 234/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 09 tháng 12 năm 2009 về việc “Hướng dẫn cơ chế hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu”.

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Tài chính từng thời kỳ. Việc sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Tài chính.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	381.403.000	231.891.000
Tiền gửi ngân hàng (i)	1.838.087.098.222	1.839.296.934.737
Các khoản tương đương tiền (ii)	635.938.895.977	4.565.441.879.344
	<u>2.474.407.397.199</u>	<u>6.404.970.705.081</u>

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã bao gồm giá trị đồng RUP chuyển nhượng với số tiền 2.123.271.518 VND chỉ có giá trị sổ sách, không có số dư trên tài khoản tại ngân hàng nhưng chưa được xử lý.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

100 / T H U T A 1 2 1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Xăng dầu Khu vực I - Công ty TNHH MTV	236.324.982.352	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu KV2	1.171.314.932.999	896.281.533.220
Công ty Xăng dầu B12 - Công ty TNHH MTV	1.200.448.766.785	804.099.413.825
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	245.811.996.236	188.739.320.360
Công ty Xăng dầu KV5 - Công ty TNHH MTV	148.691.486.637	127.236.775.947
Công ty Xăng dầu KV3 - Công ty TNHH MTV	273.628.958.197	218.552.614.963
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	60.163.514.343	81.511.265.247
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tiền Giang	65.143.244.077	32.695.304.397
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	63.584.463.312	45.638.246.457
Công ty Xăng dầu Quảng Trị	46.156.431.023	44.181.129.386
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	26.149.613.399	21.896.820.465
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	63.118.634.756	52.911.075.674
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	30.689.634.559	24.821.774.227
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Cà Mau	69.586.586.452	63.670.949.932
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Long	131.238.064.943	111.748.733.673
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	91.938.985.641	34.677.046.113
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	75.360.040.686	-
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	23.659.601.633	25.405.058.377
Công ty Xăng dầu Long An	82.259.570.552	54.433.694.267
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	42.365.237.574	17.624.659.752
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	77.155.935.670	70.808.475.582
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	38.932.460.460	19.716.956.218
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa - Công ty TNHH MTV	99.598.748.875	102.817.271.593
Công ty Xăng dầu Bến Tre	33.615.433.211	7.538.243.136
Công ty Xăng dầu Nghệ An	24.321.271.367	-
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	45.903.368.267	36.306.332.548
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	30.927.728.552	31.476.978.672
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	32.134.834.239	7.620.611.804
Công ty Xăng dầu Điện Biên	23.595.990.932	26.158.616.774
Công ty Xăng dầu Yên Bái	19.561.887.784	11.893.961.425
Công ty Xăng dầu Thái Bình	15.781.952.598	19.035.914.996
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Nam Tây Nguyên	16.766.202.506	18.205.824.078
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	18.190.473.729	2.338.057.905
Công ty Xăng dầu Sông Bé - Công ty TNHH MTV	10.522.762.294	9.438.450.906
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	25.434.505.108	3.124.108.514
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	38.637.800.034	22.231.622.560
Công ty Xăng dầu Lào Cai	37.116.299.104	18.572.117.505
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	91.946.748.511	46.318.896.892
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	37.263.400.158	-
	<b><u>4.865.042.549.555</u></b>	<b><u>3.299.727.857.390</u></b>

Phải thu nội bộ bao gồm:

- Công nợ phải thu liên quan đến giá trị tài sản tại các công ty xăng dầu thành viên được định giá lại trong quá trình cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam với số tiền 2.476.941.550.254 VND như trình bày tại Thuyết minh số 7- Các khoản phải thu khác.
- Công nợ phải thu liên quan đến phần chênh lệch vốn Nhà nước tại các công ty xăng dầu thành viên so với biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ tài chính Việt Nam (VVFC) phải thu với số tiền 27.668.047.871 VND như trình bày tại Thuyết minh số 7 - Các khoản phải thu khác.
- Phải thu nội bộ còn lại liên quan đến công nợ doanh thu bán xăng dầu của Công ty mẹ cho các công ty xăng dầu thành viên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	2.771.536.837.630	2.757.657.809.122
Chi phí cổ phần hóa	6.626.383.506	6.626.383.506
Lỗ lũy kế của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam đến ngày 30/11/2011 (i)	2.687.839.289.340	2.687.839.289.340
Quỹ sắp xếp lao động dôi dư	19.851.606.476	5.972.577.968
Phải thu khác về cổ phần hóa (i)	57.219.558.308	57.219.558.308
Phải thu về công nợ với các công ty cổ phần	57.626.918.866	96.474.529.610
Phải thu về công nợ với các công ty khối Xăng dầu	2.231.128.443	-
Phải thu Bộ Tài chính giá vốn hàng P10	2.226.535.213	12.363.694.472
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	1.000.000.000
Phải thu khác (ii)	13.126.437.658	39.178.498.686
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	15.155.244.715
Chênh lệch đánh giá tài sản các Công ty xăng dầu thành viên (iii)	-	2.476.941.550.254
	<u><b>2.846.747.857.810</b></u>	<u><b>5.398.771.326.859</b></u>

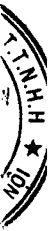
- (i) Lỗ lũy kế của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 được chuyển sang khoản phải thu khác khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Giá trị này có thể thay đổi trong quá trình quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Phải thu khác về cổ phần hóa là các chênh lệch về vốn so với vốn nhà nước tại ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Bộ Công thương phê duyệt để cổ phần hóa, cụ thể như sau đây. Chênh lệch này sẽ được xử lý khi Tập đoàn thực hiện quyết toán cổ phần hóa với các cơ quan có thẩm quyền.

	<u>31/12/2012</u>
	VND
Vốn nhà nước được ghi tăng khi xác định giá trị doanh nghiệp liên quan đến tiền thuê đất tại Công ty Xăng dầu Khu vực 5 - Công ty TNHH MTV. Tuy nhiên việc ghi tăng vốn nhà nước này chưa phù hợp.	20.155.200.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 làm giảm vốn Nhà nước.	31.563.381.703
Chênh lệch tỷ giá hối đoái tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tính vào vốn nhà nước, tuy nhiên Tập đoàn không tính vào vốn Nhà nước khoản này khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần.	5.439.483.341
Các khoản khác	61.493.264
	<u><b>57.219.558.308</b></u>

- (ii) Số dư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm phần chênh lệch vốn Nhà nước tại các công ty xăng dầu thành viên so với biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của VVFC phải thu với số tiền 27.668.047.871 VND. Năm nay giá trị này đã được kết chuyển sang tài khoản phải thu nội bộ như trình bày tại Thuyết minh số 6.

- (iii) Là giá trị tài sản tại các công ty xăng dầu thành viên được định giá lại trong quá trình cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Năm nay giá trị này đã được kết chuyển sang tài khoản phải thu nội bộ như trình bày tại Thuyết minh số 6.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	457.688.974.735	768.916.572.440
Nguyên liệu, vật liệu	91.536.530.842	97.024.976.732
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.488.649.508	11.280.817.109
Hàng hóa (*)	13.031.223.493.837	12.476.579.098.190
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.597.937.648.922</b>	<b>13.353.801.464.471</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>13.597.937.648.922</b>	<b>13.353.801.464.471</b>

(\*) Trong năm 2011, Công ty mẹ thực hiện ghi nhận toàn bộ hao hụt trong định mức phát sinh trong quá trình nhập khẩu xăng dầu vào giá vốn hàng bán. Năm 2012, phần hao hụt này được Công ty mẹ ghi nhận vào giá mua của xăng dầu và phân bổ dần vào giá vốn theo lượng xăng dầu bán ra. Nếu Công ty mẹ ghi nhận như năm 2011, khoản mục hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm đi 91.531.462.590 VND và khoản mục Lợi nhuận chưa phân phối sẽ giảm một khoản tương ứng. Đồng thời, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012 sẽ giảm 91.531.462.590 VND.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Lỗ đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm (*)	-	70.434.185.753
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	38.585.108.540	24.605.355.981
	<b>38.585.108.540</b>	<b>95.039.541.734</b>

(\*): Công ty mẹ phân bổ toàn bộ lỗ đánh giá lại chênh lệch tỷ giá tại ngày 31/12/2011 vào kết quả kinh doanh năm 2012.

**10. PHẢI THU NỘI BỘ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Xăng dầu B12 - Công ty TNHH MTV	160.435.158.400	240.652.737.600
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	3.280.000.000	6.560.000.000
Công ty Xăng dầu Lào Cai	2.481.373.500	2.481.373.500
Công ty Xăng dầu Bình Định	-	10.708.571.429
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	680.973.391	680.973.391
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	2.571.428.573	5.142.857.146
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Đồng Tháp	-	5.475.950.806
Công ty Xăng dầu KV5 - Công ty TNHH MTV	-	17.600.000.000
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	3.200.000.000	3.200.000.000
	<b>172.648.933.864</b>	<b>292.502.463.872</b>

Phải thu dài hạn nội bộ phản ánh số tiền Công ty mẹ cho các công ty xăng dầu thành viên vay dài hạn phục vụ đầu tư xây dựng cơ bản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	42.509.973.700	3.694.981.707	830.773.403.755	91.750.513.810	168.300.000	968.897.172.972
Mua trong năm	-	-	-	2.459.186.052	-	2.459.186.052
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	9.889.405.000	-	9.889.405.000
Thanh lý, nhượng bán	335.306.400	-	-	-	-	335.306.400
Tại ngày 31/12/2012	42.174.667.300	3.694.981.707	830.773.403.755	104.099.104.862	168.300.000	980.910.457.624
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	23.360.333.897	1.812.616.857	113.583.671.349	49.029.870.659	107.805.000	187.894.297.762
Khấu hao trong năm	1.521.634.676	593.512.877	56.167.565.330	22.781.267.944	34.257.334	81.098.238.161
Thanh lý, nhượng bán	265.413.766	-	-	-	-	265.413.766
Tại ngày 31/12/2012	24.616.554.807	2.406.129.734	169.751.236.679	71.811.138.603	142.062.334	268.727.122.157
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2012	17.558.112.493	1.288.851.973	661.022.167.076	32.287.966.259	26.237.666	712.183.335.467
Tại ngày 31/12/2011	19.149.639.803	1.882.364.850	717.189.732.406	42.720.643.151	60.495.000	781.002.875.210

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 656.998.687.099 VND (31 tháng 12 năm 2011: 711.487.330.769 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	149.058.663.858	109.089.833.825	4.245.595.238	262.394.092.921
Mua trong năm	-	292.000.000	-	292.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.021.863.000	-	4.021.863.000
Tại ngày 31/12/2012	<u>149.058.663.858</u>	<u>113.403.696.825</u>	<u>4.245.595.238</u>	<u>266.707.955.921</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	-	40.089.113.728	1.727.470.238	41.816.583.966
Khấu hao trong năm	-	11.610.208.613	355.557.302	11.965.765.915
Tại ngày 31/12/2012	-	<u>51.699.322.341</u>	<u>2.083.027.540</u>	<u>53.782.349.881</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2012	<u>149.058.663.858</u>	<u>61.704.374.484</u>	<u>2.162.567.698</u>	<u>212.925.606.040</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>149.058.663.858</u>	<u>69.000.720.097</u>	<u>2.518.125.000</u>	<u>220.577.508.955</u>

(\*): Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 123.331.374.900 VND đã ghi tăng chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2011. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất tại Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội với số tiền 119.355.534.900 VND. Công ty mẹ đang xem xét điều chỉnh giảm giá trị quyết toán vốn Nhà nước do xác định giá trị đánh giá tăng này phải trả Ngân sách Nhà nước. Công ty mẹ đang trong quá trình quyết toán cổ phần hóa chính thức và số liệu sẽ phụ thuộc vào quyết toán cổ phần hóa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Giá trị đầu tư ghi số tại ngày 31/12/2012 VND	Giá trị đầu tư ghi số tại ngày 31/12/2011 VND	Hoạt động chính
Công ty CP Thương mại và Vận tải Hà Nội	Hà Nội	51,00%	51,00%	24.902.280.000	24.902.280.000	Mua bán, vận chuyển hàng hóa
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	Hồ Chí Minh	52,73%	52,73%	53.722.150.000	53.722.150.000	Mua bán, vận chuyển hàng hóa
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	51,00%	51,00%	42.417.720.000	42.417.720.000	Mua bán, vận chuyển hàng hóa
Công ty CP Thương mại và Vận tải Đà Nẵng	Đà Nẵng	51,00%	51,00%	11.227.409.111	11.227.409.111	Mua bán, vận chuyển hàng hóa
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	Nghệ An	51,00%	51,00%	14.650.943.491	14.650.943.491	Mua bán, vận chuyển hàng hóa
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	Hà Nội	51,00%	51,00%	13.726.481.068	13.726.481.068	Mua bán, vận chuyển hàng hóa
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	Hải Phòng	51,00%	51,00%	832.740.199.200	832.740.199.200	Mua bán, vận chuyển hàng hóa
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	Hồ Chí Minh	51,21%	51,21%	52.913.493.000	52.913.493.000	Vận tải và xây dựng
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO	Hồ Chí Minh	51,92%	51,92%	422.812.170.000	422.812.170.000	Vận tải xăng dầu
Công ty CP Tư vấn Xây dựng	Hà Nội	51,00%	51,00%	7.164.153.175	5.787.153.175	Tư vấn xây dựng
Công ty CP Hoá dầu Petrolimex	Hà Nội	79,06%	79,06%	570.562.500.000	570.562.500.000	Chế biến các sản phẩm từ xăng dầu
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex (i)	Hà Nội	51,16%	51,16%	361.849.067.685	361.849.067.685	Kinh doanh bảo hiểm
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	Hà Nội	51,00%	51,00%	8.901.974.812	8.901.974.812	Phát triển các sản phẩm phần mềm
Công ty CP Gas Petrolimex	Hà Nội	52,36%	52,36%	306.662.738.200	306.662.738.200	Mua bán sản phẩm Gas
Công ty CP Xuất nhập khẩu Petrolimex	Hồ Chí Minh	51,82%	51,82%	82.753.110.000	82.753.110.000	Kinh doanh xuất nhập khẩu
Công ty CP Bất động sản Petrolimex	Hà Nội	51,00%	51,00%	116.158.702.179	116.158.702.179	Kinh doanh bất động sản
Công ty LD TNHH Kho Xăng dầu Ngoại quan Vân Phong	Hà Nội	54,30%	54,30%	420.431.100.000	334.000.350.000	Lưu trữ, mua bán xăng tại cửa khẩu
Công ty TNHH Hóa chất PTN	Khánh Hòa	60,00%	60,00%	54.295.830.000	54.295.830.000	Sản xuất các chất liệu bề mặt liên quan đến xăng
Công ty CP Thiết bị Xăng dầu	Hải Phòng	50,48%	50,48%	17.373.131.758	17.373.131.758	Cung cấp thiết bị ngành xăng dầu
Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex	Hà Nội	59,30%	59,30%	95.080.168.426	95.080.168.426	Cung cấp nhiên liệu bay cho các hãng hàng không trong nước
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thừa Thiên Huế	Huế	51,00%	51,00%	9.253.799.182	9.253.799.182	Mua bán, vận chuyển hàng hóa
Công ty CP Cơ khí Xăng dầu (ii)	Hồ Chí Minh	46,00%	46,00%	47.517.612.315	47.517.612.315	Chế tạo các công cụ, máy móc ngành xăng dầu
Công ty CP Xây lắp I (ii)	Hà Nội	35,00%	32,56%	18.837.067.243	18.837.067.243	Xây dựng các công trình
Công ty CP Xây lắp III (ii)	Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	23.914.459.390	23.914.459.390	Xây dựng các công trình
Công ty TNHH Petrolimex Singapore	Singapore	100,00%	100,00%	312.045.000.000	312.045.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty CP Cảng Cửa Cấm	Hải Phòng	51,00%	51,00%	23.256.000.000	23.256.000.000	Xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ hàng hải
Công ty TNHH Petrolimex Lào	Lào	100,00%	100,00%	68.162.068.618	66.248.453.423	Kinh doanh xăng dầu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị đầu tư ghi số tại ngày 31/12/2012 VND	Giá trị đầu tư ghi số tại 31/12/2011 VND	Hoạt động chính
<b>Khởi xăng dầu trực thuộc</b>				<b>3.651.800.000.000</b>	<b>2.826.200.000.000</b>	
Công ty Xăng dầu KVI - Công ty TNHH MTV	Hà Nội	100%	100%	269.000.000.000	269.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu KV2	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	570.000.000.000	498.800.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu KV3 - Công ty TNHH MTV	Hải Phòng	100%	100%	76.000.000.000	73.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu KV5 - Công ty TNHH MTV	Đà Nẵng	100%	100%	194.000.000.000	130.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu B12 - Công ty TNHH MTV	Quảng Ninh	100%	100%	692.000.000.000	316.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Bắc Giang	100%	100%	37.000.000.000	28.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	Thái Nguyên	100%	100%	46.000.000.000	28.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Phú Thọ	100%	100%	40.500.000.000	40.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Nam Định	100%	100%	95.000.000.000	83.600.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa - Công ty TNHH MTV	Thanh Hóa	100%	100%	61.000.000.000	28.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Nghệ An	Nghệ An	100%	100%	104.500.000.000	104.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Bình Định	Bình Định	100%	100%	68.500.000.000	68.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Khánh Hòa	100%	100%	89.000.000.000	89.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Khánh Hòa	100%	100%	132.300.000.000	132.300.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Cần Thơ	100%	100%	78.000.000.000	73.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Hà Nội	100%	100%	121.000.000.000	65.700.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Bà Rịa Vũng Tàu	100%	100%	69.500.000.000	69.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	Gia Lai	100%	100%	45.000.000.000	34.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Đồng Tháp	100%	100%	30.000.000.000	24.400.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Điện Biên	Điện Biên	100%	100%	28.000.000.000	20.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Yên Bái	Yên Bái	100%	100%	16.000.000.000	16.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Thái Bình	Thái Bình	100%	100%	13.000.000.000	10.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Đắk Lắk	100%	100%	60.000.000.000	60.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	Lâm Đồng	100%	100%	38.800.000.000	38.800.000.000	Kinh doanh xăng dầu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị đầu tư ghi số tại ngày 31/12/2012 VND	Giá trị đầu tư ghi số tại 31/12/2011 VND	Hoạt động chính
Công ty Xăng dầu Long An	Long An	100%	100%	57.000.000.000	35.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Long	Vĩnh Long	100%	100%	76.000.000.000	32.300.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	Trà Vinh	100%	100%	25.000.000.000	16.300.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Cà Mau	Cà Mau	100%	100%	51.000.000.000	18.800.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	Cao Bằng	100%	100%	16.000.000.000	14.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Sông Bé - Công ty TNHH MTV	Bình Dương	100%	100%	38.900.000.000	38.900.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	Tuyên Quang	100%	100%	16.000.000.000	15.400.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tiền Giang	Tiền Giang	100%	100%	49.500.000.000	49.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	Quảng Bình	100%	100%	31.000.000.000	26.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Bến Tre	Bến Tre	100%	100%	37.700.000.000	37.700.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	34.000.000.000	14.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Lào Cai	Lào Cai	100%	100%	44.000.000.000	30.400.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Hà Giang	Hà Giang	100%	100%	20.500.000.000	20.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Tây Ninh	100%	100%	45.000.000.000	45.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	An Giang	100%	100%	35.000.000.000	35.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	100%	100%	38.000.000.000	30.700.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Đồng Nai	100%	100%	47.700.000.000	47.700.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	100%	100%	15.400.000.000	15.400.000.000	Kinh doanh xăng dầu
<b>Cộng</b>				<b>7.665.131.328.852</b>	<b>6.749.809.963.657</b>	

(i) Hiện tại, Công ty mẹ đã đánh giá và xây dựng lộ trình giảm vốn theo quy định của Nhà nước để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về mức vốn đầu tư ra ngoài công ty Nhà nước.

(ii) Các công ty mà Công ty mẹ góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm giữ quyền kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký và hoạt động)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị đầu tư ghi sổ tại ngày 31/12/2012 (VND)	Giá trị đầu tư ghi sổ tại ngày 31/12/2011 (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam (i)	Hồ Chí Minh	35%	35%	385.637.579.602	385.637.579.602	Chế biến các sản phẩm dầu nhờn
Công ty CP Dịch vụ Miền núi và Dân tộc Tuyên Quang	Tuyên Quang	33,33%	33,33%	891.808.000	891.808.000	Kinh doanh thương mại, dịch vụ
Ngân hàng TMCP Xăng dầu (ii)	Đồng Tháp (nay là Hà Nội)	40%	40%	1.262.586.695.295	1.006.586.695.295	Kinh doanh dịch vụ Ngân hàng
				<b>1.649.116.082.897</b>	<b>1.393.116.082.897</b>	

- (i) Giá trị Công ty mẹ ghi nhận đầu tư vào Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam cao hơn số liệu theo báo cáo tài chính của đơn vị với số tiền 7.371.008.325 VND. Chênh lệch do Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam trả lại đất cho Công ty mẹ theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty mẹ đã kiến nghị ghi giảm vốn Nhà nước liên quan đến chênh lệch giảm giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn này trong Biên bản quyết toán Cổ phần hóa. Công ty mẹ chưa ghi nhận điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam do chờ phê duyệt của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- (ii) Hiện tại, Công ty mẹ đã đánh giá và xây dựng lộ trình giảm vốn theo quy định của Nhà nước để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về mức vốn đầu tư ra ngoài công ty Nhà nước.

**15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Đầu tư chứng khoán</b>	<b>128.494.852.200</b>	<b>128.494.852.200</b>
Công ty CP Vật liệu Xăng dầu Chất đốt Đồng Nai	2.582.100.000	2.582.100.000
Công ty CP Xăng dầu Bình Thuận	1.697.125.000	1.697.125.000
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (VICOSIMEX)	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu (Eximbank)	49.913.937.200	49.913.937.200
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.801.690.000	3.801.690.000
Công ty CP Hoá dầu Quân đội	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty CP Kinh doanh Đường cao tốc (VESC)	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Ủy thác đầu tư (i)</b>	<b>478.406.327.290</b>	<b>444.965.634.520</b>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	478.406.327.290	444.965.634.520
<b>606.901.179.490</b>		<b>573.460.486.720</b>

- (i) Phản ánh các khoản tiền ủy thác cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex cho các công ty xăng dầu thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam vay vốn để thực hiện các công trình, dự án theo chỉ định và phê duyệt của Tập đoàn. Các khoản ủy thác cho vay này có thời hạn ủy thác theo hợp đồng cho vay của Bên đi vay và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex, lãi suất ủy thác quy định theo từng lần ủy thác cụ thể. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex được hưởng phí ủy thác 1% là phần chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất ủy thác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>16.016.557.203.786</b>	<b>14.135.720.395.599</b>
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1.295.829.926.124	1.483.579.810.579
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.636.070.978.036	3.584.126.163.814
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	351.350.361.442	-
Ngân hàng BNP Paribas	1.534.065.500.000	1.786.778.984.802
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.294.229.300.000	559.389.312.000
Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải	1.290.309.000.000	1.347.986.880.000
Ngân hàng Indovina Hà Nội	-	380.132.994.558
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	535.176.876.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB)	722.280.500.000	685.899.816.000
Ngân hàng Citibank	679.952.922.862	1.051.800.000.000
Ngân hàng Deutsche Bank	101.923.977.692	232.667.831.722
Ngân hàng TMCP Quân đội	1.218.429.767.630	202.304.786.124
Ngân hàng ANZ	526.000.000.000	1.024.200.768.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	419.172.470.000	-
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	-	631.080.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	208.150.000.000	-
Ngân hàng Standard Chartered	489.892.500.000	630.596.172.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội	624.450.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	624.450.000.000	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>314.867.839.849</b>	<b>316.742.057.203</b>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu	5.432.314.200	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	41.814.097.017	46.279.200.000
Ngân hàng BNP Paribas	267.621.428.632	270.462.857.203
	<b><u>16.331.425.043.635</u></b>	<b><u>14.452.462.452.802</u></b>

Toàn bộ các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn từ các Ngân hàng được thực hiện dưới hình thức tín chấp nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và mở các tín dụng thư (L/C) nhập khẩu hàng hóa xăng dầu. Thời hạn các khoản vay đều dưới 03 tháng, lãi suất cho vay đối với các khoản vay USD dao động từ 2,41% đến 3%/năm, lãi suất cho vay đối với các khoản vay VND dao động từ 6,75% đến 7,5%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu 01/01/2012	Số phải nộp 01/01/2012	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số phải thu 31/12/2012	Số phải nộp 31/12/2012
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế</b>						
Thuế giá trị gia tăng	-	609.283.368.670	10.317.001.498.265	9.818.101.631.893	-	110.383.502.298
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.265.734.650	202.689.252.436	4.375.890.320.806	4.211.224.134.587	-	33.757.331.567
Thuế xuất, nhập khẩu	626.367.427	139.177.579.183	5.178.965.549.619	5.127.615.449.265	-	87.201.111.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.483.335.582	20.056	19.420.456.405	(20.184.908.200)	69.088.680.131	-
Thuế thu nhập cá nhân	66.318.550	-	3.681.911.943	3.854.221.935	-	105.991.442
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	7.678.437.852	7.678.437.852	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.406.241.164	10.087.708.026	318.533.138	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.441.756.209</b>	<b>951.150.220.345</b>	<b>19.913.044.416.054</b>	<b>19.158.376.675.358</b>	<b>69.407.213.269</b>	<b>231.447.936.709</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. PHẢI TRẢ NỘI BỘ**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Xăng dầu Khu vực I - Công ty TNHH MTV	-	38.238.675.296
Công ty Xăng dầu Nghệ An	-	24.751.867.559
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	-	15.108.104.444
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	5.270.504.052	13.953.828.637
Công ty Xăng dầu Bình Định	18.846.835.876	48.701.939.547
Công ty Xăng dầu Hà Giang	5.553.780.638	6.649.808.444
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	-	665.542.893
	<b>29.671.120.566</b>	<b>148.069.766.820</b>

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	13.500.000	2.804.968.831
Phải trả về cổ phần hóa (i)	29.470.085.300	47.706.453.090
Phải trả khác	25.536.188.736	15.101.996.519
	<b>55.019.774.036</b>	<b>65.613.418.440</b>

- (i) Theo Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty đã thực hiện phát hành cổ phần ra công chúng. Thặng dư vốn cổ phần phát sinh là 112.706.453.090 VND, Tập đoàn đã tạm quyết toán và nộp cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) với số tiền 83.236.367.790 VND trên cơ sở tổng thặng dư từ cổ phần hóa trừ chi phí cổ phần hóa, chi phí lao động đối dư..., phần còn lại Công ty mẹ đang tạm theo dõi trên khoản mục phải trả về cổ phần hóa. Theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, số tiền thặng dư vốn sẽ được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và giải quyết chính sách đối với lao động đối dư. Vì vậy số tiền thặng dư vốn sẽ được quyết toán và nộp vào SCIC khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa theo đúng quy định.

**22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty TNHH Hóa chất PTN	7.910.232.454	7.910.232.454

Phải trả dài hạn khác thể hiện giá trị quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty TNHH Hóa chất PTN.

**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (a)	343.447.583.260	393.373.200.000
Ngân hàng BNP Paribas (b)	133.810.714.107	405.694.285.594
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (c)	5.432.314.200	8.105.701.500
	<b>482.690.611.567</b>	<b>807.173.187.094</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (a) Tại ngày 16/12/2009, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) ký Hợp đồng vay số 01/2009/VCB-PETROLIMEX/HĐTĐ với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với hai khoản tín dụng: khoản tín dụng A trị giá tối đa 11.000.000 USD và khoản tín dụng B trị giá tối đa 22.000.000 USD. Khoản vay này được dùng để thanh toán tối đa 75% của giá mua cuối cùng tàu chở dầu thành phẩm, chủng loại Aframax, mang tên Maersk Priority (Tàu Vân phong 1), đóng năm 2005, số hiệu 9VVD5, tương đương 33.000.000 USD. Tàu biển mua của Công ty A.P.Moller Singapore PTE LTD theo hợp đồng ký ngày 9/11/2009. Tại ngày 31/12/2012, khoản tín dụng A được hoàn trả hết, khoản tín dụng B được hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất SIBOR 6 tháng cộng lãi suất lẻ nhưng không thấp hơn 4%/năm, lãi suất được xác định lại 6 tháng một lần kể từ ngày giải ngân vào ngày xác định lãi suất. Khoản vay được thế chấp bằng chính tàu biển thuộc sở hữu của Tập đoàn. Chi tiết tài sản thế chấp khoản vay xem tại Thuyết minh số 11.
- (b) Tại ngày 16 tháng 01 năm 2009, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) ký hợp đồng vay với Ngân hàng BNP Paribas với số tiền là 45.000.000 USD. Khoản vay được hoàn trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 16/01/2012 đến ngày 16/7/2014. Khoản vay chịu lãi suất cố định 6,6%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng tín chấp.
- (c) Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) ký Hợp đồng vay trung hạn số 36/2010/HĐTĐ/TH-PN/PGB-HO với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex để thực hiện dự án hệ thống phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu Petrolimex, tổng số tiền vay theo hợp đồng là 22.415.250.000 VND, thời hạn vay 3 năm, lãi suất theo quy định từng lần ngân hàng giải ngân.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	314.867.839.849	316.742.057.203
Trong năm thứ hai	185.036.028.307	459.542.044.357
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	160.275.500.000	347.631.142.737
Sau năm năm	137.379.083.260	-
	<u>797.558.451.416</u>	<u>1.123.915.244.297</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(314.867.839.849)	(316.742.057.203)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>482.690.611.567</u></b>	<b><u>807.173.187.094</u></b>

**24. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU**

	Năm 2012 VND	Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
Số dư đầu năm/kỳ	774.900.313.270	-
Nhận bàn giao cổ phần hóa (i)	-	862.794.704.420
Tăng trong năm/kỳ	2.288.301.299.700	254.774.571.100
Giảm trong năm/kỳ	(2.546.905.494.790)	(342.668.962.250)
<b>Số dư cuối năm/kỳ</b>	<b><u>516.296.118.180</u></b>	<b><u>774.900.313.270</u></b>

(i) Tại ngày 01/12/2011, số dư quỹ bình ổn giá được ghi nhận theo số liệu nhận bàn giao khi cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

Từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

Khoản mục	Số đầu kỳ	Nhận bàn giao (i)	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>		<b>6.991.794.099.533</b>	<b>5.254.751.832.580</b>	<b>2.397.093.432.907</b>	<b>9.849.452.499.206</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (i)	-	5.516.890.701.518	5.183.109.298.482	-	10.700.000.000.000
<i>Vốn góp của Nhà nước</i>	-	4.980.909.371.518	5.183.109.298.482	-	10.164.018.670.000
<i>Vốn góp của đối tượng khác</i>	-	535.981.330.000	-	-	535.981.330.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu (i)	-	744.344.777.164	-	732.411.878.573	11.932.898.591
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản (i)	-	3.468.950.992.348	-	4.365.485.809.913	(896.534.817.565)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(33.085.924.909)	-	4.957.620.192	(38.043.545.101)
5. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	244.570.817	(244.570.817)
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	700.000.000	-	-	700.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ lũy kế) (i)	-	(2.706.006.446.588)	71.642.534.098	(2.706.006.446.588)	71.642.534.098

Năm 2012

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>9.849.452.499.206</b>	<b>322.064.806.782</b>	<b>4.279.395.520</b>	<b>10.167.237.910.468</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.700.000.000.000	-	-	10.700.000.000.000
<i>Vốn góp của Nhà nước</i>	10.164.018.670.000	-	-	10.164.018.670.000
<i>Vốn góp của đối tượng khác</i>	535.981.330.000	-	-	535.981.330.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	11.932.898.591	-	-	11.932.898.591
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(896.534.817.565)	-	-	(896.534.817.565)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(38.043.545.101)	38.043.545.101	-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	(244.570.817)	-	-	(244.570.817)
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	700.000.000	-	700.000.000	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	71.642.534.098	284.021.261.681	3.579.395.520	352.084.400.259

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(i)	Chi tiết của khoản mục chênh lệch đánh giá lại tài sản tại ngày nhận bàn giao cổ phần hóa (ngày 30 tháng 11 năm 2011) như sau:	<b>VND</b>
	Chênh lệch do đánh giá lại doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa đã được Bộ Công thương phê duyệt	4.365.485.809.913
	Chênh lệch do đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày 30 tháng 11 năm 2011:	(896.534.817.565)
	<i>Đánh giá tăng các khoản đầu tư tài chính</i>	503.516.631.910
	<i>Đánh giá giảm các khoản đầu tư tài chính</i>	<u>(1.400.051.449.475)</u>
	<b>Tổng chênh lệch đánh giá lại tài sản bàn giao</b>	<b>3.468.950.992.348</b>

Công ty mẹ thực hiện ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu khi chính thức chuyển sang Công ty cổ phần từ các phần vốn khác của chủ sở hữu, chênh lệch đánh giá lại tài sản (giá trị theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa được Bộ Công thương phê duyệt). Số tiền này có thể thay đổi trong quá trình quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Phân chênh lệch do đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 với số tiền (896.534.817.565) VND vẫn được theo dõi trên chi tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản chờ quyết toán cổ phần hóa với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Công ty mẹ đang trong quá trình quyết toán số vốn Nhà nước trong quá trình cổ phần Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Giá trị phần vốn Nhà nước tại Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ là 10.164.018.676.419 VND.

Giá trị phần vốn Nhà nước nêu trên bao gồm một số lô đất chuyển đổi từ hình thức đất nhận chuyển nhượng hợp pháp hoặc nhận giao đất có tiền sử dụng đất theo phương án cổ phần hóa sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, một số lô đất đã được điều chỉnh giảm giá trị quyền sử dụng đất cũng như một số lô đất nhận giao đất, Nhà nước chưa thu tiền sử dụng đất nhưng khi xác định giá trị doanh nghiệp chuyển sang hình thức nhận giao đất có thu tiền sử dụng đất. Các lô đất nêu trên khi quyết toán cổ phần hóa có thể được ghi nhận là một khoản phải trả ngân sách Nhà nước và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đang kiến nghị trong hồ sơ quyết toán cổ phần hóa để điều chỉnh với số tiền là 352.856.429.568 VND. Tuy nhiên quyết định cuối cùng sẽ phụ thuộc vào kết quả quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>160.265.804.062.545</b>	<b>14.365.621.618.723</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>160.265.804.062.545</b>	<b>14.365.621.618.723</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	160.173.604.335.007	14.346.989.257.427
- <i>Doanh thu bán xuất khẩu, tái xuất, chuyển khẩu</i>	3.895.024.022.985	755.706.804.416
- <i>Doanh thu bán hàng nội bộ Tập đoàn</i>	156.278.580.312.022	13.591.282.453.011
Doanh thu hoạt động kinh doanh hàng hóa khác	52.525.090.140	8.537.468.646
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.674.637.398	10.094.892.650
	<b>160.265.804.062.545</b>	<b>14.365.621.618.723</b>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu	158.855.549.032.309	14.033.919.929.232
- <i>Giá vốn bán hàng xuất khẩu, tái xuất, chuyển khẩu</i>	3.877.282.919.662	748.847.349.948
- <i>Giá vốn bán hàng nội bộ Tập đoàn</i>	154.978.266.112.647	13.285.072.579.284
Giá vốn hoạt động kinh doanh hàng hóa khác	52.417.823.846	8.537.464.143
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.381.744.570	9.913.078.875
Chi phí hao hụt hàng tồn kho (i)	411.064.704.090	32.639.307.398
Quỹ bình ổn giá xăng dầu (ii)	(258.604.195.090)	(87.894.391.150)
	<b>159.096.809.109.725</b>	<b>13.997.115.388.498</b>

(i) Trong năm 2012, lần đầu tiên Công ty mẹ thực hiện ghi nhận chi phí hao hụt liên quan đến khâu nhập vào giá gốc hàng hóa thay vì ghi nhận trực tiếp vào giá vốn hàng bán. Nếu áp dụng phương pháp ghi nhận chi phí hao hụt như các năm trước, giá vốn hàng bán sẽ tăng lên khoảng 91 tỷ và số dư hàng tồn kho giảm đi một khoản tương ứng.

(ii) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ thực hiện chi quỹ bình ổn giá xăng dầu lớn hơn trích quỹ bình ổn giá làm giảm giá vốn hàng bán. Biến động của quỹ bình ổn giá được trình bày tại Thuyết minh số 24.

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	730.668.913.621	80.085.088.815
Chi phí nhân công	61.630.493.615	12.353.633.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.064.004.076	7.754.390.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.061.635.151.946	176.843.261.283
Chi phí khác	271.540.150.701	16.899.062.465
	<b>3.218.538.713.959</b>	<b>293.935.436.965</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm chi phí mua xăng dầu (hoạt động thương mại) trong năm với số tiền là 167.131.457.336.311 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	308.968.469.800	30.637.461.687
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	575.885.827.176	16.683.351.115
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	52.132.833.382	-
Lãi bán ngoại tệ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	364.671.709.693	1.254.023.540
Lãi bán hàng trả chậm	139.307.404.475	18.016.626.491
Phí ủy thác	54.254.697.447	-
	<b>1.495.220.941.973</b>	<b>66.591.462.833</b>

(i) Tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2011 Công ty mẹ thực hiện xác định lại các khoản đầu tư tại thời điểm bàn giao sang Công ty cổ phần, theo đó giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam, Ngân hàng TMCP Xăng dầu và một số Công ty con chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá trị phần vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp khác theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2011. Trong năm 2012, khi nhận cổ tức liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn này từ thời điểm 30 tháng 11 năm 2011 trở về trước, Công ty mẹ ghi nhận cổ tức trên chỉ tiêu “Doanh thu hoạt động tài chính” với số tiền 384.785.628.859 VND. Cụ thể như sau:

	Số tiền VND
<b>Công ty con</b>	
Công ty CP Thương mại và Vận tải Đà Nẵng	656.370.000
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	586.500.000
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	816.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Petrolimex	413.100.000
Công ty CP Bất động sản Petrolimex	6.120.000.000
Công ty CP Thiết bị Xăng dầu (PECO)	1.836.000.000
Công ty CP Nhiên liệu bay (PJF)	5.472.000.000
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex TT-Huế (*)	856.800.000
<b>Công ty liên kết</b>	
Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam	270.041.658.859
Ngân hàng TMCP Xăng dầu	97.987.200.000
	<b>384.785.628.859</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	653.645.800.342	71.028.272.903
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	171.988.071.199	23.657.639.166
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	55.876.205.434	949.642.857
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(21.878.296.773)	108.152.764.869
Chiết khấu thanh toán	52.615.103.174	-
Chi phí tài chính khác	5.893.880.858	544.125.293
	<b>918.140.764.234</b>	<b>204.332.445.088</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	61.630.493.615	12.353.633.443
Chi phí vật liệu, bao bì	2.142.528.528	138.504.530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.575.360.406	3.213.670.660
Chi phí thuế, phí, lệ phí	39.460.290.540	3.684.727.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.329.583.552	9.100.011.737
Chi phí bằng tiền khác	1.190.876.076.992	114.634.650.248
- Chi phí bảo quản	578.146.493.114	33.217.011.202
- Chi phí vận chuyển	487.435.109.055	68.203.304.057
- Chi phí bằng tiền khác	125.294.474.823	13.214.334.989
Phân bổ lợi thế kinh doanh	54.214.033.920	-
	<u>1.527.228.367.553</u>	<u>143.125.198.094</u>

**32. LỢI NHUẬN KHÁC**

Lợi nhuận khác bao gồm chủ yếu là các khoản thu, chi về tiền dôi nhập, chậm hàng, phí tàu già được ghi nhận theo số thuận trên tổng số thực thu, thực chi trong năm.

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	263.768.297.659	91.895.498.120
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản không chịu thuế	(575.885.827.176)	(16.683.351.115)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(575.885.827.176)	(16.683.351.115)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(312.117.529.517)</b>	<b>75.212.147.005</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 (i)	(20.252.964.022)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (ii)</b>	<b>(20.252.964.022)</b>	<b>20.252.964.022</b>

(i) Năm 2012, Công ty mẹ thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính tháng 12 năm 2011 được điều chỉnh giảm trong báo cáo tài chính do không phát sinh thu nhập chịu thuế cho kỳ quyết toán thuế TNDN từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2012.

(ii) Theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước, kiểm toán Nhà nước chỉ thực hiện điều chỉnh kết quả kinh doanh tháng 12 năm 2011 mà không điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp tương ứng do xác định kết quả kinh doanh tháng 12 năm 2011 được tính toán cùng với kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 để quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động này không phát sinh thu nhập chịu thuế do đó Công ty mẹ thực hiện theo Biên bản kiểm toán Nhà nước không điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp ghi nhận tháng 12 năm 2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

- Ngày 13 tháng 11 năm 2009, tại Hà Nội, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, và Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT (FIS) đã ký hợp đồng "Triển khai ứng dụng quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam với giá trị 11 triệu USD. ERP sẽ được áp dụng tại Công ty mẹ, 42 Công ty con cùng các chi nhánh, xí nghiệp, kho và tổng kho trên toàn quốc. Theo kế hoạch, dự án sẽ được triển khai trong khoảng thời gian 2 năm và dự kiến đưa vào sử dụng ngày 01 tháng 01 năm 2012. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ đã ghi tăng tài sản theo biên bản nghiệm thu từng phần đưa vào sử dụng, cụ thể: phần cứng hệ thống ERP trị giá 35.753.437.902 VND, phần mềm SAP của hệ thống ERP 89.229.088.947 VND, và đang theo dõi trên khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 85.209.440.371 VND liên quan đến chi phí triển khai xây dựng hệ thống ERP đang trong quá trình thực hiện. Các hạng mục khác liên quan đến dự án vẫn đang được triển khai.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các thư tín dụng còn hiệu lực mà các ngân hàng đã mở cho hoạt động nhập khẩu xăng dầu của Công ty mẹ là 284.226.625 USD (tương đương 5.916.177.194.379 VND).

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty mẹ quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty mẹ có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty mẹ gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 23, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty mẹ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	16.814.115.655.202	15.259.635.639.896
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.474.407.397.199	6.404.970.705.081
Nợ thuần	14.339.708.258.003	8.854.664.934.815
Vốn chủ sở hữu	<u>10.167.237.910.468</u>	<u>9.849.452.499.206</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,41</u>	<u>0,90</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty mẹ áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	Trình bày lại VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.474.407.397.199	6.404.970.705.081
Đầu tư dài hạn khác	606.901.179.490	573.460.486.720
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	4.501.619.162.460	5.382.174.542.059
Tài sản tài chính khác	<u>3.209.058.389</u>	<u>3.740.284.758</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>7.586.136.797.538</b></u>	<u><b>12.364.346.018.618</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả khách hàng, phải trả nội bộ và phải trả khác	9.404.299.823.279	13.771.364.110.628
Các khoản vay	16.814.115.655.202	15.259.635.639.896
Chi phí phải trả	<u>37.525.170.272</u>	<u>75.569.983.460</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>26.255.940.648.753</b></u>	<u><b>29.106.569.733.984</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Công ty mẹ chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty mẹ đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty mẹ thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty mẹ sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro tỷ giá của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ ở mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được bằng việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	2.100.012.365.536	1.855.877.826.611	18.798.448.887.249	28.547.483.387.448

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty mẹ trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012	Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(1.669.843.652.171)	(222.430.046.340)
	(1.669.843.652.171)	(222.430.046.340)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty mẹ quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty mẹ từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ giảm/tăng 147.170.125.783 đồng (2011: 12.445.656.568 đồng).

	<u>Tăng/(Giảm)</u> %	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012</b>		
VND	1%	(147.170.125.782,89)
VND	-1%	147.170.125.782,89
<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011</b>		
VND	1%	(12.445.656.567,66)
VND	-1%	12.445.656.567,66

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mẹ mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty mẹ sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty mẹ. Công ty mẹ có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty mẹ có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty mẹ không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu đến từ các công ty xăng dầu thành viên.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty mẹ quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty mẹ tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty mẹ là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty mẹ duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty mẹ phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.474.407.397.199	-	-	2.474.407.397.199
Đầu tư dài hạn khác	-	606.901.179.490	-	606.901.179.490
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	4.328.970.228.596	172.648.933.864	-	4.501.619.162.460
Tài sản tài chính khác	3.209.058.389	-	-	3.209.058.389
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.806.586.684.184</b>	<b>779.550.113.354</b>	<b>-</b>	<b>7.586.136.797.538</b>
<b>31/12/2012</b>				
Phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác	9.396.389.590.825	7.910.232.454	-	9.404.299.823.279
Chi phí phải trả	37.525.170.272	-	-	37.525.170.272
Các khoản vay	16.331.425.043.635	345.311.528.307	137.379.083.260	16.814.115.655.202
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.765.339.804.732</b>	<b>353.221.760.761</b>	<b>137.379.083.260</b>	<b>26.255.940.648.753</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(18.958.753.120.548)</b>	<b>426.328.352.593</b>	<b>(137.379.083.260)</b>	<b>(18.669.803.851.215)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>31/12/2011 (Trình bày lại)</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.404.970.705.081	-	-	6.404.970.705.081
Đầu tư dài hạn khác	-	573.460.486.720	-	573.460.486.720
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	5.088.672.078.187	293.502.463.872	-	5.382.174.542.059
Tài sản tài chính khác	3.740.284.758	-	-	3.740.284.758
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.497.383.068.026</b>	<b>866.962.950.592</b>	<b>-</b>	<b>12.364.346.018.618</b>
<b>31/12/2011 (Trình bày lại)</b>				
Phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác	13.763.453.878.174	7.910.232.454	-	13.771.364.110.628
Chi phí phải trả	75.569.983.460	-	-	75.569.983.460
Các khoản vay	14.452.462.452.802	807.173.187.094	-	15.259.635.639.896
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.291.486.314.436</b>	<b>815.083.419.548</b>	<b>-</b>	<b>29.106.569.733.984</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(16.794.103.246.410)</b>	<b>51.879.531.044</b>	<b>-</b>	<b>(16.742.223.715.366)</b>

Mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ có tài sản tài chính nhỏ hơn công nợ tài chính nhưng Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty mẹ có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Giá trị hàng tồn kho là xăng dầu theo quy định không phải là tài sản tài chính, tuy nhiên do đặc thù của hoạt động kinh doanh xăng dầu, giá trị hàng tồn kho là xăng dầu có thể tạo ra nguồn tiền lớn và tức thời để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty mẹ có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Từ ngày 01/12/2011</u> <u>đến ngày 31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán xăng dầu cho các Công ty xăng dầu thành viên	156.278.580.312.022	13.591.282.453.011
<b>Doanh thu tài chính - Lãi tiền gửi</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	31.070.663.661	19.276.960.579
Lãi vay và chi phí lãi chậm trả từ các Công ty xăng dầu thành viên	139.307.404.475	18.016.626.491
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Mua xăng dầu từ Petrolimex Singapore Pte.,Ltd	42.572.809.880.217	315.112.466.843
Chi phí vận chuyển với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	559.914.589.029	683.163.532.327.273
Chi phí vận chuyển với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	1.341.017.319.920	920.027.913.645.454
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Pjico	86.514.688.301	788.536.703.454.545
Công ty Cổ phần Bất động sản Petrolimex	4.245.322.900	-
Công ty LD TNHH Kho ngoại quan Vân Phong	42.887.947.600	-
Công ty CP VT XD Đường thủy Petrolimex	214.854.913.515	-
Công ty CPVT&DV Petrolimex Hải Phòng	58.760.263.245	-
Chi phí hàng giữ hộ với các Công ty Xăng dầu thành viên	578.144.993.114	33.217.011.202

500  
 G T)  
 HỮU  
 TTI  
 NAM  
 TP.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

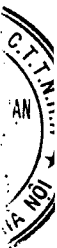
*Số dư với các bên liên quan:*

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Tiền gửi Ngân hàng</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	270.181.977.012	412.108.577.677
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	634.000.000.000	2.478.633.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	478.406.327.290	444.965.634.520
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Chi phí vận chuyển với Công ty Cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO	-	25.686.105.109
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	14.508.858.783	7.422.759.818
Công ty TNHH Hóa chất PTN	26.592.638.307	30.960.760.892
Công ty cổ phần cơ khí Xăng dầu	5.418.300.689	21.177.987.200
<b>Các khoản phải trả</b>		
Chi phí vận chuyển với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	14.633.982.475	37.086.129.270
Chi phí vận chuyển với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	56.058.148.367	65.597.557.881
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Pjico	5.891.033.073	7.518.863.164
Petrolimex Singapore Pte., Ltd	2.272.129.346.894	109.261.465.514
Công ty Cổ phần Bất động sản Petrolimex	230.000.000	-
Công ty LD TNHH Kho ngoại quan Vân Phong	10.947.468.820	-
Công ty CP VT XD Đường thủy Petrolimex	11.842.264.276	-
Công ty CPVT&DV Petrolimex Hải Phòng	2.346.316.612	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	19.809.831.261	2.842.750.669
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	5.432.314.200	8.105.701.500
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	5.432.314.200	-

**37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 14 tháng 01 năm 2013, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ban hành Quyết định số 011/PLX-QĐ-HĐQT về việc thành lập Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex. Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại một số công ty con thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Các công ty con được bàn giao từ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Petrolimex (Tập đoàn) cho Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex bao gồm:

- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco (VIPCO)
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (VITACO)
- Công ty Cổ phần Vận tải đường thủy Petrolimex (PJITACO)
- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (PTS Hải Phòng)
- Công ty Cổ phần Cảng Cửa cấm Hải Phòng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chính thức chuyển thành Công ty cổ phần kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011, kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

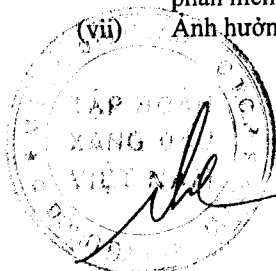
Số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 trình bày cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo mà không cho mục đích so sánh do số liệu trình bày cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty cổ phần chỉ là số liệu 01 tháng (tháng 12 năm 2011).

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và Biên bản quyết toán thuế. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số trình bày năm trước	Số điều chỉnh lại	Chênh lệch
	VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2011</b>			
Phải thu nội bộ ngắn hạn	3.299.685.828.504	3.299.727.857.390	42.028.886
Các khoản phải thu khác (v)	5.416.595.685.135	5.398.771.326.858	(17.824.358.277)
Hàng tồn kho (i)	13.345.576.421.968	13.353.801.464.471	8.225.042.503
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (ii)	1.409.851.443.341	1.408.112.835.105	(1.738.608.236)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước(iii)	29.549.654.133	34.441.756.210	4.892.102.077
Chi phí trả trước dài hạn (iv)	542.140.339.197	548.141.472.810	6.001.133.613
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (iii)	946.258.118.267	951.150.220.345	4.892.102.078
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(700.453.894)	(223.612.721)	476.841.173
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (vii)	77.414.136.782	71.642.534.098	(5.771.602.684)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 12 năm 2011</b>			
Doanh thu hoạt động tài chính	66.563.356.433	66.591.462.833	28.106.400
Chi phí bán hàng (vi)	137.325.489.010	143.125.198.094	5.799.709.084

Chi tiết các bút toán điều chỉnh hồi tố như sau:

- (i) Phân bổ chi phí vận tải viễn dương của các tàu định hạn cho hàng tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011;
- (ii) Giảm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ theo Biên bản quyết toán thuế (1.465.912.860 VND) và theo Kiểm toán nhà nước (272.695.376 VND) trong 11 tháng đầu năm 2011;
- (iii) Tăng số thuế tạm nộp và thuế phải nộp đối với thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất nhập khẩu do khác chi Cục thuế;
- (iv) Phân bổ lại chi phí sửa chữa, dịch vụ phần mềm;
- (v) Bao gồm khoản Công ty mẹ điều chỉnh 18.167.157.248 VND phải thu cổ phần hóa và giảm lợi nhuận chưa phân phối liên quan đến các bút toán điều chỉnh kết quả kinh doanh 11 tháng đầu năm 2011 và các điều chỉnh khác của Kiểm toán nhà nước;
- (vi) Phân bổ lại chi phí vận tải viễn dương của các tàu định hạn, phân bổ lại chi phí sửa chữa, dịch vụ phần mềm...;
- (vii) Ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh trên.



Trần Văn Thịnh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Mên  
Trưởng phòng Kế toán

Hoàng Chi Mai  
Người lập biểu